

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 02 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Kết

Ông Châu Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 582/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Mỹ L, sinh năm 1991; Cư trú tại: ấp C, xã, thành phố C, tỉnh C. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Lê Chí N, sinh năm 1987; Cư trú tại: ấp T, xã Tân Đức, huyện Đ, tỉnh C. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/10/2019, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Mỹ L trình bày:

Về hôn nhân: Chị với anh Lê Chí N chung sống vào năm 2011, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh N thường xuyên uống rượu, không lo lắng cho gia đình nên xảy ra cự cãi. Mâu thuẫn vợ chồng đã được thân tộc hai bên nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, dẫn đến vợ chồng ly thân khoảng một năm nay. Nay chị L xác định không thể tiếp tục chung sống cùng anh N nên yêu cầu ly hôn với anh Lê Chí N.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Lê Nhật H, sinh năm 2012, hiện cháu H đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Trong quá trình giải quyết và xét xử bị đơn anh Lê Chí N trình bày: Về thời

gian chung sống, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn đúng như chị L trình bày. Về mâu thuẫn khi đi làm ở Bình Dương anh có uống rượu với bạn bè nhưng không thường xuyên và trong cuộc sống vợ chồng có cự cãi một vài lần. Nay, chị L yêu cầu ly hôn với anh, anh xác định còn thương vợ con, nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Nhật H, sinh năm 2012, hiện cháu H đang sống cùng chị L. Nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị L ly hôn, cháu H có nguyện vọng ở với ai, người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ: Chị L và anh N xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[2] *Về hôn nhân*: Chị L với anh N chung sống vào năm 2011, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định, nên quan hệ hôn nhân của anh chị không có giá trị pháp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh N thường xuyên uống rượu, không lo lắng cho gia đình nên xảy ra cự cãi. Mâu thuẫn vợ chồng đã được thân tộc hai bên nhiều lần hàn gắn nhưng không thành và hiện vợ chồng đã ly thân hơn 01 năm. Từ đó tình cảm giữa chị với anh N không còn gắn bó, thương yêu nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai có trách nhiệm với ai. Nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N. Anh N xác định còn thương vợ con, nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L. Do chị Loan với anh N chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận chị L với anh N là vợ chồng.

[3] *Về nuôi con chung*: Tên Lê Nhật H, sinh ngày 26/9/2012, hiện cháu H sống cùng chị. Khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định “...vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi con căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Viện dẫn từ điều luật trên thấy rằng, tại biên bản ghi nguyện vọng của cháu H vào ngày 15/01/2020 cháu H có nguyện vọng ở với mẹ là chị L. Do đó, cần giao cháu H cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[4] *Về chia tài sản chung và nợ*: Chị L và anh N xác định không có.

[5] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp

nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Lê Mỹ L với anh Lê Chí N là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao Lê Nhật H, sinh ngày 26/9/2012 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Lê Chí N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0010089 ngày 18/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị anh Ng có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)